

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 488 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 04 tháng 6 năm 2015

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 4689
Ngày: 29/6/15
Chuyên: CCM.TMĐT
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển thương mại điện tử
tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020

CỤC THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CÔNG VĂN ĐẾN

CV Số: 1076
Ngày: 29 tháng 6 năm 2015
Lưu hồ sơ:

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử; Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2014 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý website thương mại điện tử;

Căn cứ Quyết định số 07/2015/QĐ-TTg ngày 02/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;


Xét đề nghị của Sở Công Thương tại Tờ trình số 14/SCT-TTr ngày 13/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch phát triển thương mại điện tử tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Công Thương, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;
- Bộ Công Thương;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TPKT.

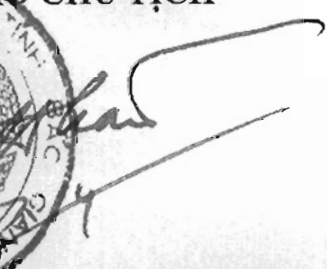
Bản điện tử:

- Các sở, cơ quan thuộc UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, các phòng.

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH




Dương Văn Thái



**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ
TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 988/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TỈNH
BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2011-2015**

Thực hiện Quyết định số 1073/QĐ-TTg ngày 12/7/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử (TMĐT) giai đoạn 2011-2015, UBND tỉnh đã xây dựng Kế hoạch số 2921/KH-UBND ngày 28/12/2010 về phát triển TMĐT tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015.

Sau 4 năm triển khai thực hiện, TMĐT trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã và đang từng bước đi vào cuộc sống, góp phần tích cực cho sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh. Điều dễ nhận ra nhất đó là nhận thức ngày càng cao về vị trí, vai trò cũng như những lợi ích của TMĐT đối với công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hiện nay của cán bộ, công chức, của cộng đồng doanh nghiệp và nhiều tầng lớp dân cư trên địa bàn tỉnh. Cụ thể:

- Lĩnh vực viễn thông, internet trên địa bàn tỉnh thời gian qua đạt tốc độ phát triển cao, cơ sở hạ tầng mạng lưới rộng khắp trên toàn tỉnh, đảm bảo cung cấp các dịch vụ về viễn thông và internet có chất lượng tốt với nhiều loại hình phong phú đa dạng phục vụ khách hàng và các doanh nghiệp... Điều đó đã tạo tiền đề cho việc phát triển công nghệ thông tin và thúc đẩy TMĐT phát triển mạnh trong thời gian tới. Đến nay, hầu hết các cơ quan của nhà nước, các xã, phường, thị trấn trong tỉnh đã xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, triển khai ứng dụng được nhiều phần mềm và kho cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- Hạ tầng phục vụ TMĐT đã bước đầu được các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp và người dân quan tâm đầu tư nhằm từng bước tiếp cận với việc quảng bá giới thiệu sản phẩm của mình trên mạng internet được sâu, rộng hơn, cả trong và ngoài nước. Mức độ ứng dụng TMĐT của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp về tham gia mua bán, trao đổi trên mạng ngày càng tăng.

- Bên cạnh việc tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, những định hướng, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh, phát triển TMĐT trong tình hình mới... các sở, ban, ngành, UBND các huyện và thành phố cũng đã tích cực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong việc cung cấp dịch vụ công, bước đầu hình thành mô hình chính quyền điện tử.

- 100% các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan Đảng cấp tỉnh, cấp huyện có mạng nội bộ (LAN) kết nối internet tốc độ cao;

100% các xã, phường, thị trấn được phủ sóng thông tin di động và truy cập được internet tốc độ cao; 229/230 xã, phường, thị trấn xây dựng mạng LAN.

- 10/10 huyện, thành phố và 16 sở, ngành đã triển khai một cửa điện tử. Riêng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội triển khai liên thông theo mô hình tỉnh, huyện, xã tới 06 huyện. Có 08 huyện, thành phố liên thông đến cấp xã như: thành phố Bắc Giang (16/16 xã, phường), huyện Lạng Giang (23/23 xã), huyện Hiệp Hòa (26/26 xã), huyện Việt Yên (19/19 xã), huyện Sơn Động (22 xã), huyện Tân Yên (12 xã), huyện Lục Nam (08 xã), huyện Yên Dũng (09 xã). Có 02 huyện chưa triển khai liên thông đến xã là huyện Yên Thế và huyện Lục Ngạn.

- 100% các sở, ngành và UBND cấp huyện cài đặt và sử dụng phần mềm quản lý văn bản, trong đó có 05 huyện, thành phố triển khai liên thông tới cấp xã (huyện Lạng Giang, Việt Yên, Sơn Động, Hiệp Hòa, TP. Bắc Giang).

- UBND tỉnh và 100% cơ quan thuộc UBND tỉnh, các huyện, thành phố và 15 hội, đoàn thể tỉnh đã có trang thông tin điện tử; trên 500 trường học, 140 doanh nghiệp đã có trang thông tin điện tử và có 62 website TMĐT của các tổ chức, cá nhân (12 web của doanh nghiệp và 50 web của cá nhân) tham gia đăng ký, thông báo với Bộ Công Thương để phục vụ hoạt động xúc tiến thương mại, bán hàng hóa hoặc cung ứng dịch vụ của mình, trong đó có 47 website đã được phê duyệt, 05 hồ sơ đang được đề nghị bổ sung thông tin để phê duyệt; 09 hồ sơ bị từ chối duyệt do chưa đáp ứng yêu cầu cung cấp thông tin, hoặc thông tin không chính xác; 01 hồ sơ website TMĐT bị khóa do không cập nhật thông tin sau khi được phê duyệt hoạt động.

- Tổng số doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh hiện nay có 8 đơn vị: Bưu điện tỉnh Bắc Giang, Công ty CP Bưu chính Viettel Chi nhánh Bắc Giang, Viễn thông Bắc Giang, Viettel Bắc Giang, Mobifone Bắc Giang, Đại diện Vinaphone Bắc Giang, Công ty CP dịch vụ Bưu chính viễn thông Sài Gòn, Vietnammobil. Tổng số thuê bao internet là 61.367 thuê bao, tăng 27,3% so với thời điểm cuối năm 2011; tổng số trạm phủ sóng di động là 877 trạm.

Mặc dù vậy, phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh thời gian qua vẫn còn những tồn tại, hạn chế:

Thứ nhất, nguồn nhân lực dành cho thương mại điện tử tại các doanh nghiệp còn hạn chế; hầu hết doanh nghiệp chưa có người chuyên trách về công nghệ thông tin và TMĐT, chủ yếu là kiêm nhiệm. Mặt khác, việc triển khai ứng dụng thương mại điện tử của các doanh nghiệp mới ở giai đoạn đầu nên hiệu quả chưa cao, chưa theo kịp và tương xứng với yêu cầu phát triển của chung của tỉnh. Mặc dù các doanh nghiệp đã sử dụng nhiều giải pháp trong hệ thống thanh toán, quản lý doanh nghiệp và các dịch vụ trong TMĐT, nhưng nhìn chung việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT còn yếu.

Thứ hai, hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã xây dựng website nhưng vẫn chỉ dừng ở mức cung cấp thông tin sản phẩm, dịch vụ đang kinh doanh, giá mua, giá bán, phương thức thanh toán.

Thứ ba, an toàn bảo mật thông tin khi kinh doanh trên môi trường mạng là một vấn đề gây trở ngại lớn đối với doanh nghiệp; nhiều doanh nghiệp vẫn còn e ngại, chưa chủ động tìm ra những giải pháp an ninh cho toàn mạng nói chung hay TMĐT nói riêng.

Thứ tư, công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và bộ phận thanh niên khởi nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT mặc dù được thường xuyên, nhưng vẫn còn chưa đáp ứng được hết yêu cầu đòi hỏi ngày càng cao của tình hình mới.

Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế:

- Nhận thức về tầm quan trọng, lợi ích của TMĐT trong các doanh nghiệp chưa được đầy đủ và chưa đúng mức. Doanh nghiệp chưa thấy rõ vai trò, hiệu quả kinh tế của TMĐT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Mặt khác, các doanh nghiệp Bắc Giang hầu hết là các doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ, quy mô hạn chế, chưa thực sự chú trọng đến việc ứng dụng công nghệ thông tin và triển khai TMĐT.

- Nhiều doanh nghiệp khả năng tài chính hạn hẹp, khó có điều kiện trang bị máy tính, phần cứng, phần mềm và nguồn nhân lực đủ mạnh để vừa có thể quản trị vừa có thể đẩy mạnh ứng dụng TMĐT.

- Việc mua hàng truyền thống theo kiểu chợ truyền thống vẫn đang là một trong những cản trở lớn đối với việc thúc đẩy TMĐT phát triển ở các doanh nghiệp.

- Dịch vụ công trực tuyến đã được triển khai, tuy nhiên hầu hết mới dừng lại ở mức độ 2, mới chỉ có 4 đơn vị đạt mức độ 3. Mặt khác, do doanh nghiệp chưa có cán bộ chuyên trách về TMĐT nên tỷ lệ ứng dụng trong thực hiện thủ tục hành chính còn nhiều hạn chế.

- TMĐT là lĩnh vực mới, phát triển rất nhanh nên nhiều cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp, người dân còn lúng túng với hoạt động của TMĐT; việc thực thi các văn bản quy phạm pháp luật đã ban hành còn nhiều bất cập.

Từ thực trạng trên, để giúp các nhà quản lý, doanh nghiệp, các đơn vị sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh hiểu rõ lợi ích và tham gia phát triển TMĐT, cần phải đẩy nhanh việc triển khai các hoạt động ứng dụng TMĐT theo mục tiêu đề ra tại Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 - 2020.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ TỈNH BẮC GIANG GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Căn cứ pháp lý xây dựng kế hoạch:

- Luật Thương mại ngày 14/6/2005;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;
- Nghị định 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về TMĐT;

- Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 11/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển TMĐT quốc gia giai đoạn 2014 - 2020;

- Thông tư 47/2014/TT-BCT ngày 05/12/2014 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý website TMĐT;

- Quyết định 07/2015/QĐ-TTg ngày 02/03/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển thương mại điện tử quốc gia;

2. Mục tiêu phát triển TMĐT giai đoạn 2016-2020:

2.1. Mục tiêu chung: Triển khai các giải pháp, hoạt động hỗ trợ phát triển lĩnh vực TMĐT của tỉnh, đưa TMĐT trở thành hoạt động được sử dụng, ứng dụng phổ biến trong các cơ quan quản lý nhà nước và đại bộ phận các doanh nghiệp trong tỉnh; góp phần nâng cao hiệu quả trong hoạt động quản lý, điều hành của các cơ quan nhà nước; nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và năng lực cạnh tranh của tỉnh; thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa, phù hợp với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể:

- 60% trang thông tin điện tử của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và cấp huyện cung cấp dịch vụ hành chính công trực tuyến ở mức độ 3 và 10% dịch vụ hành chính công trực tuyến mức độ 4; 100% các giao dịch giữa cơ quan hành chính nhà nước với doanh nghiệp và công dân được thực hiện trực tuyến qua cổng thông tin điện tử của tỉnh hoặc qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.

- 50% hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại, cơ sở phân phối hiện đại, cơ sở cung cấp điện, nước, viễn thông và truyền thông sử dụng phương thức thanh toán bằng thẻ thanh toán và thanh toán qua phương tiện điện tử.

- Áp dụng phổ biến chữ ký số và chứng thực chữ ký số để đảm bảo an toàn, bảo mật cho các giao dịch TMĐT.

- Mua sắm trực tuyến trở thành hình thức mua hàng phổ biến của người tiêu dùng.

- Ứng dụng rộng rãi các hình thức thanh toán TMĐT giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp - B2B, giữa doanh nghiệp với khách hàng - B2C; giữa doanh nghiệp với cơ quan nhà nước - B2G; giữa các cá nhân với nhau - C2C; giữa cơ quan nhà nước với cá nhân - G2C.

- Phần đầu 60% doanh nghiệp tham gia sàn giao dịch TMĐT của tỉnh và các sàn cung cấp dịch vụ TMĐT khác; ứng dụng TMĐT, sử dụng hệ thống thư điện tử, có kết nối internet để tìm kiếm thông tin, tìm kiếm thị trường; 50% doanh nghiệp có website riêng để quảng bá thương hiệu, sản phẩm.

- 1.500 lượt cán bộ doanh nghiệp, cán bộ quản lý nhà nước, thanh niên khởi nghiệp được tham dự các khóa đào tạo ngắn hạn về TMĐT;

- 2.000 sinh viên năm cuối cấp được đào tạo, tập huấn về chuyên ngành TMĐT, đáp ứng nhu cầu triển khai ứng dụng TMĐT cho doanh nghiệp.

3. Các nhiệm vụ và giải pháp:

3.1. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMĐT:

a) Triển khai pháp luật về TMĐT:

Tổ chức tuyên truyền trên địa bàn tỉnh để cán bộ quản lý nhà nước, doanh nghiệp và công dân nắm vững các quy định của pháp luật về TMĐT. Trong quá trình triển khai chính sách pháp luật về TMĐT, kịp thời phản ánh những vướng mắc, khó khăn cũng như các quy định chưa hợp lý lên các cơ quan có thẩm quyền để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn. Tổ chức thực thi các quy định của pháp luật liên quan tới TMĐT trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức các hoạt động rà soát, thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMĐT hàng năm nhằm nắm vững tình hình phát triển TMĐT trên địa bàn, làm cơ sở cho việc triển khai chính sách và thực thi pháp luật về TMĐT.

Mỗi năm tổ chức ít nhất 01 lớp tập huấn triển khai các văn bản pháp luật về TMĐT cho đối tượng các cán bộ chuyên trách quản lý TMĐT, CNTT các cấp; triển khai từ 01-02 cuộc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMĐT.

b) Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về TMĐT:

Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức của cộng đồng về TMĐT thông qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, hoàn thiện cảm nang TMĐT, các tờ rơi quảng bá về TMĐT và các hình thức khác; tổ chức các sự kiện thúc đẩy phát triển TMĐT; xây dựng và quảng bá chỉ số phát triển TMĐT của tỉnh.

c) Tập huấn phổ biến kiến thức phát triển nguồn nhân lực TMĐT

Tổ chức tập huấn ngắn hạn cho cán bộ nhà nước, doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên về TMĐT theo địa phương và lĩnh vực kinh doanh. Nội dung tuyên truyền chủ yếu bao gồm: Tổng quan và lợi ích của TMĐT; các mô hình TMĐT trên thế giới và Việt Nam; hệ thống pháp luật về TMĐT; Các hoạt động thanh tra, kiểm tra, thống kê TMĐT; dịch vụ công trực tuyến; lập kế hoạch ứng dụng và triển khai TMĐT cho doanh nghiệp; các kỹ năng khai thác thông tin thương mại trực tuyến; các kỹ năng tìm kiếm khách hàng trên Internet; xây dựng và quản trị website TMĐT; ứng dụng marketing trực tuyến; sản giao dịch TMĐT; xây dựng thương hiệu trên môi trường Internet.

Mỗi năm tổ chức 01 lớp bồi dưỡng cho khoảng 75-80 người là cán bộ quản lý nhà nước và khoảng 04 lớp bồi dưỡng cho khoảng 600 người là cán bộ doanh nghiệp, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên năm cuối tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh.

3.2. Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMĐT:

Tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng phần mềm mã nguồn mở khi triển khai các ứng dụng TMĐT, sử dụng các công nghệ phục vụ phát triển thanh toán trực tuyến, khuyến khích các doanh nghiệp phát triển các tiện

ích thanh toán qua phương tiện điện tử hỗ trợ người mua thanh toán trực tuyến, thúc đẩy phát triển TMĐT.

Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng kế hoạch kinh doanh dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ công nghệ thông tin và viễn thông khác.

Phổ biến các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử ứng dụng trong TMĐT tới các doanh nghiệp, nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của an toàn thông tin, quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên tham gia giao dịch TMĐT và lợi ích của việc sử dụng chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số trong hoạt động TMĐT. Khuyến khích doanh nghiệp ứng dụng chuẩn trao đổi dữ liệu điện tử trong kinh doanh điện tử giữa các doanh nghiệp, ứng dụng các công nghệ bảo mật tiên tiến để thông tin trao đổi trên môi trường mạng máy tính được đảm bảo an toàn.

Hỗ trợ kiểm tra và đề nghị Bộ Công Thương phê duyệt các website TMĐT của các doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn tỉnh tiến hành đăng ký hoặc thông báo hoạt động, phổ biến các lợi ích của hoạt động này đối với các doanh nghiệp và người tiêu dùng.

3.3. Củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMĐT:

a) Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh: Hệ thống thông tin doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp xuất nhập khẩu tại địa phương hiện nay chưa được quản lý và cập nhật một cách có hệ thống, vì vậy cần xây dựng các hệ thống và lập trình phần mềm quản lý trực tuyến thông tin doanh nghiệp trên địa bàn, kết nối với các huyện, thành phố và cổng thông tin Xuất khẩu Việt Nam (VNEX) của Bộ Công Thương. Hằng năm, cập nhật thông tin các doanh nghiệp nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp quảng bá và định hướng quản lý kịp thời.

b) Xây dựng hệ thống và quản lý trực tuyến thông tin xuất nhập khẩu: Để tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành, bám sát thực tế của Lãnh đạo tỉnh, Sở Công Thương chủ trì xây dựng hệ thống phần mềm trực tuyến về thu thập, xử lý số liệu xuất, nhập khẩu. Các kết quả thu thập và xử lý của hệ thống ở từng thời điểm sẽ giúp Lãnh đạo tỉnh nắm bắt kịp thời và nhanh chóng ra quyết định điều hành lĩnh vực xuất nhập khẩu của tỉnh.

c) Cung cấp, cập nhật thông tin về tiềm năng xuất khẩu của tỉnh và danh bạ doanh nghiệp xuất khẩu trên Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam - VNEX

Cổng thông tin Xuất khẩu Việt Nam (VNEX) có địa chỉ vietnamexport.com là Cổng thông tin chính thống của Bộ Công Thương, cập nhật bằng tiếng Anh để giới thiệu tiềm năng xuất khẩu của Việt Nam và 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đồng thời, VNEX cung cấp cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam theo các lĩnh vực ngành hàng. Hàng tháng, cần thu thập, biên tập thông tin về tiềm năng xuất khẩu của địa phương và danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cập nhật lên VNEX.

d) Khai thác thông tin trên Cổng thông tin Thị trường nước ngoài

Cổng thông tin Thị trường nước ngoài (TTNN) tại địa chỉ <http://thitruongnuocngoai.vn> là cổng thông tin đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam cung cấp một cách có hệ thống thông tin thị trường nước ngoài về hầu hết các quốc gia và lãnh thổ trên thế giới. Thông tin trên TTNN được cung cấp bởi các đơn vị của Bộ Công Thương và hệ thống trên 60 Thương vụ Việt Nam tại nước ngoài, việc khai thác thông tin trên TTNN, phổ biến cho doanh nghiệp, đồng thời giới thiệu, hướng dẫn doanh nghiệp truy cập, khai thác là cần thiết.

Hàng tháng, trên cơ sở nguồn tin khai thác từ TTNN, xây dựng bản tin điện tử cập nhật về tình hình thị trường để cung cấp cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu và các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh.

e) Tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, TMĐT trên địa bàn tỉnh.

Định kỳ tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT trên địa bàn tỉnh nhằm nắm bắt kịp thời thực trạng và xu hướng phát triển để tham mưu cho UBND tỉnh giải pháp quản lý hiệu quả lĩnh vực TMĐT và công nghệ thông tin.

3.4. Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng TMĐT:

a) Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của doanh nghiệp: Thư điện tử là công cụ liên lạc, trao đổi thông tin, giao dịch trực tuyến có tốc độ cao, tin cậy, chi phí thấp. Cần có chính sách hỗ trợ và tư vấn cho doanh nghiệp ứng dụng các giải pháp toàn diện cung cấp công nghệ thông tin như một dịch vụ trong triển khai hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website TMĐT: Website TMĐT đóng vai trò là công cụ xây dựng thương hiệu, quảng bá, kênh truyền thông và công cụ kinh doanh hiệu quả với chi phí thấp. Hỗ trợ doanh nghiệp có định hướng và xây dựng website TMĐT phù hợp với mô hình, sản phẩm của doanh nghiệp. Ngoài ra, cần tư vấn cho doanh nghiệp triển khai quy trình bán hàng trực tuyến, quy trình kinh doanh theo mô hình B2C tiên tiến trên thế giới, cách thức tích hợp công cụ thanh toán trực tuyến, cách thức quảng bá, marketing hiệu quả cho website TMĐT. Mỗi năm lựa chọn hỗ trợ 20 doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh xây dựng mới website TMĐT.

c) Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch TMĐT nhằm quảng bá thương hiệu và sản phẩm của doanh nghiệp: Mỗi năm, lựa chọn 20 doanh nghiệp tiêu biểu có khả năng và mong muốn ứng dụng TMĐT để hỗ trợ, tư vấn cách thức tham gia. Hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác thông qua việc khai thác các cơ hội giao thương hàng ngày. Đào tạo kỹ năng quản trị gian hàng trực tuyến.

d) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng TMĐT thông qua các công cụ kinh doanh điện tử (e-business): Để ứng dụng TMĐT một cách bài bản, hiệu quả, các doanh nghiệp cần tối ưu hóa hoạt động quản lý nội bộ thông qua các công

cụ e-business như quản lý quan hệ khách hàng (CRM), hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP). Vì vậy, cần phổ biến, hướng dẫn các doanh nghiệp sử dụng, tích hợp các hệ thống này một cách có hiệu quả nhằm nâng cao năng lực quản lý nội bộ doanh nghiệp, qua đó giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh.

d) Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp kinh doanh TMĐT theo mô hình B2C xây dựng quy trình thu thập thông tin khách hàng thông qua chứng nhận website TMĐT uy tín (safeweb): Trong hoạt động kinh doanh trực tuyến, website sẽ thu thập và sử dụng nhiều thông tin mà đôi khi khách hàng không muốn công khai. Bảo vệ những thông tin cá nhân sẽ giúp khách hàng yên tâm khi giao dịch với website. Những website được gắn nhãn tín nhiệm TrustVn được bảo đảm việc tuân thủ các nguyên tắc về bảo vệ thông tin cá nhân theo thông lệ quốc tế. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng các chính sách bảo vệ thông tin cá nhân theo tiêu chuẩn quốc tế.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp ứng dụng marketing trực tuyến nhằm xây dựng thương hiệu trên môi trường Internet: Marketing là hoạt động mà bất kỳ một doanh nghiệp nào đều phải tiến hành. Hoạt động marketing sẽ giúp doanh nghiệp tiếp cận được với tập khách hàng mục tiêu. Marketing trực tuyến đang là xu thế tiếp thị mới, phù hợp với các doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Trong thời gian qua, marketing trực tuyến đã thể hiện được rất nhiều ưu điểm nổi trội như: Chi phí thấp, tính tương tác cao, không bị giới hạn bởi không gian, thời gian và đặc biệt là khả năng nhắm đúng đối tượng mục tiêu, do đó cần định hướng và khuyến khích doanh nghiệp xây dựng thương hiệu trên môi trường Internet thông qua marketing trực tuyến.

3.5. Khảo sát, học tập kinh nghiệm và nhiệm vụ khác:

a) Tổ chức các đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm các nước và các địa phương xây dựng và triển khai kế hoạch TMĐT đạt kết quả tốt, khảo sát một số doanh nghiệp ứng dụng thành công TMĐT trong sản xuất kinh doanh.

b) Tổ chức cử cán bộ phụ trách TMĐT và công nghệ thông tin dự hội thảo, tập huấn, hội nghị trong và ngoài nước do các Bộ, ngành tổ chức; mua và phổ tải tài liệu TMĐT.

4. Kinh phí triển khai thực hiện:

Thực hiện xã hội hóa trong công tác đầu tư phát triển TMĐT:

- Vận động các doanh nghiệp, cá nhân tích cực đầu tư mua sắm trang thiết bị, chủ động ứng dụng TMĐT vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức xã hội tiếp tục quan tâm lồng ghép nguồn kinh phí để đầu tư phát triển công nghệ thông tin hỗ trợ TMĐT.

Tổng kinh phí dự kiến triển khai kế hoạch phát triển thương mại điện tử của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020 là: 11.630.000.000VNĐ (mười một tỷ, sáu trăm ba mươi triệu đồng), trong đó:

- Kinh phí hỗ trợ từ Trung ương thông qua Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) 800.000.000VNĐ (tám trăm triệu đồng chẵn).

- Kinh phí ngân sách tỉnh là 3.770.000.000VNĐ (ba tỷ bảy trăm bảy mươi triệu đồng chẵn).

Bảng tổng hợp kinh phí:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nguồn kinh phí	Năm thực hiện					Tổng cộng
		2016	2017	2018	2019	2020	
I	Hỗ trợ từ trung ương thông qua Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet)	240	140	140	140	140	800
II	Kinh phí từ Ngân sách tỉnh	974	684	714	684	714	3,770
III	Doanh nghiệp đối ứng	1.412	1.412	1.412	1.412	1.412	7.060
	Cộng	4.642	4.253	4.284	4.255	4.286	11.630

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Công Thương:

- Là cơ quan đầu mối chủ trì thực hiện Kế hoạch, phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Bộ Công Thương và các đơn vị có liên quan triển khai có hiệu quả nội dung Kế hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm tra, đánh giá và hàng năm tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch với UBND tỉnh và Bộ Công Thương; tổng kết tình hình thực hiện

- Tiếp nhận các kiến nghị, phản ánh của các tổ chức, cá nhân có liên quan khi gặp khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện để kiến nghị UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh và theo hướng dẫn của Trung ương.

- Hằng năm, xây dựng kế hoạch dự toán chi tiết gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định bố trí ngân sách thực hiện.

2. Sở Thông tin và Truyền thông:

- Phối hợp với Sở Công Thương trong việc hỗ trợ các sở, ngành, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin và TMĐT; đào tạo các kỹ năng và tư vấn cho doanh nghiệp về các nội dung liên quan đến công nghệ thông tin và TMĐT; triển khai chữ ký số và chứng thực chữ ký số trong các giao dịch TMĐT; triển khai đồng bộ Kế hoạch này với các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình phát triển công nghệ thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, gắn kết sự phát triển TMĐT với Chính phủ điện tử.

- Thực hiện tốt công việc phát triển hạ tầng mạng phục vụ phát triển TMĐT; xây dựng và đẩy mạnh các biện pháp khuyến khích đầu tư phát triển và chuyển giao công nghệ hỗ trợ TMĐT.

- Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn thông tin trong giao dịch TMĐT.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan xem xét, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt các dự án, kế hoạch đầu tư các hạng mục về công nghệ thông tin, các dự án phát triển TMĐT trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Tài chính: Tham mưu, bố trí cân đối nguồn vốn ngân sách hàng năm để đảm bảo nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch.

5. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, thành phố: Căn cứ nội dung của Kế hoạch, phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến, đào tạo về TMĐT cho cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị mình.

6. Các doanh nghiệp: Tích cực tham gia, cộng tác với các chương trình, dự án của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động phát triển TMĐT; chủ động triển khai ứng dụng TMĐT trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị mình. ✓

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Văn Thái



Phụ lục Tổng hợp kinh phí thực hiện Kế hoạch phát triển TMDT tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2016-2020
(Quyết định số 988 /QĐ-UBND ngày 04 / 6 /2015 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Năm thực hiện; nguồn kinh phí																			
STT	Nội dung hỗ trợ	2016			2017			2018			2019			2020			Tổng cộng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng			
1	Tuyên truyền nâng cao nhận thức về TMDT	230	-	-	230	-	-	230	-	-	230	-	-	230	-	-	1.150		
1.1	Triển khai pháp luật về TMDT	40			40			40			40			40			200		
	Tổ chức 01 lớp tập huấn triển khai văn bản pháp luật TMDT cho khoảng 75-80 người là cán bộ chuyên trách về TMDT, CNTT	20			20			20			20			20			100		
	Triển khai từ 02 cuộc thanh tra, kiểm tra về lĩnh vực TMDT	20			20			20			20			20			100		
1.2	Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về TMDT	50			50			50			50			50			250		
	Tuyên truyền trên báo hoặc đài	20			20			20			20			20			100		
	Tuyên truyền bằng hình thức: Cầm nang TMDT hoặc tờ rơi hoặc tổ chức sự kiện thúc đẩy phát triển TMDT	30			30			30			30			30			150	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan
1.3	Tập huấn phổ biến kiến thức phát triển nguồn nhân lực TMDT	140			140			140			140			140			700		
	- 01 lớp tập huấn cho khoảng 75-80 cán bộ QLNN	20			20			20			20			20			100		
	- 04 lớp tập huấn cho khoảng 600 lượt người là cán bộ DN, thanh niên khởi nghiệp và sinh viên năm cuối tại các trường đại học, cao đẳng trên địa bàn tỉnh (04 lớp x 30 triệu đồng/lớp)	120			120			120			120			120			600		

STT	Nội dung hỗ trợ	Năm thực hiện; nguồn kinh phí															Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp
		2016			2017			2018			2019			2020				
		NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng	NS tỉnh	NS TW	DN đối ứng		
2	Phát triển và ứng dụng công nghệ, dịch vụ TMDT	30			30			30			30			30			150	
	Tổ chức 02 hội nghị kết nối DN kinh doanh dịch vụ cho thuê thiết bị tính toán, phần mềm và các dịch vụ cung cấp chữ ký số... với các DN trên địa bàn	30			30			30			30			30			150	
3	Củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả và năng lực quản lý nhà nước về TMDT	366	100	-	176	-	-	106	-	-	176	-	-	106	-	-	1.030	
3.1	Xây dựng hệ thống quản lý thông tin doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh	150	50		30			30			30			30			320	Trung tâm phát triển TMDT - Bộ Công Thương, Doanh nghiệp, các đơn vị liên quan
	Thiết kế hệ thống và lập trình phần mềm	120	50														170	Sở Công Thương
	Cập nhật cơ sở dữ liệu các năm	30			30			30			30			30			150	
3.2	Xây dựng hệ thống và quản lý trực tuyến thông tin xuất, nhập khẩu	180	50		40			40			40			40			390	
	Thiết kế hệ thống và lập trình phần mềm	140	50														190	
	Cập nhật cơ sở dữ liệu các năm	40			40			40			40			40			200	
3.3	Hàng tháng viết bài, biên tập từ 02- 3 tin, bài ảnh về xuất nhập khẩu và danh bạ DN xuất khẩu trên Cổng thông tin xuất khẩu Việt Nam - VNEX (1 triệu đồng/tháng)	12			12			12			12			12			60	
3.4	Khai thác thông tin trên Cổng thông tin Thị trường nước ngoài	24			24			24			24			24			120	

Năm thực hiện; nguồn kinh phí														
STT	Nội dung hỗ trợ	2016			2017			2018			2019			Tổng cộng
		NS	NS TW	DN đối ứng	NS	NS TW	DN đối ứng	NS	NS TW	DN đối ứng	NS	NS TW	DN đối ứng	
	Hàng tháng khai thác từ 8-10 triệu đồng/ảnh trên http://thutrungnucngoai.vn (10 tỉn bài ảnh x 20.000đ x 12 tháng=212.000đ/tháng)	2,4	2,4		2,4			2,4			2,4			14,4
	Biên tập thành Bản tin điện tử và gửi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu và cơ quan liên quan (chỉ Ban biên tập, kiểm soát, gửi tin cho DN=1,8 triệu đồng/tháng)	21,6	21,6		21,6			21,6			21,6			129,6
3.5	Tổ chức điều tra, thu thập số liệu thống kê về tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, TMDT trên địa bàn tỉnh.				70						70			140
4	Hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh ứng dụng TMDT	228	140	1.412	228	140	1.412	228	140	1.412	228	140	1.412	8.900
4,1	Hỗ trợ doanh nghiệp thiết lập và sử dụng hệ thống thư điện tử với tên miền riêng của DN	28	-	12	28	-	12	28	-	12	28	-	12	200
	Tình hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20 DN * 1,4 trđ/DN)	28			28			28			28			140
	DN đối ứng (mỗi năm 20 DN * 0,6 trđ/DN)			12			12			12			12	60
4,2	Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng website TMDT	120	80	500	120	80	500	120	80	500	120	80	500	3.500
	Tình hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20 DN * 6 trđ/DN)	120			120			120			120			600



STT	Nội dung hỗ trợ	Năm thực hiện; nguồn kinh phí																Tổng cộng	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp									
		2016				2017				2018				2019							2020								
		NS tính	NS TW	DN đối ứng	NS tính	NS TW	DN đối ứng	NS tính	NS TW	NS TNW	DN đối ứng	NS tính	NS TNW	NS TNW	DN đối ứng	NS tính	NS TNW				NS TNW	DN đối ứng							
	Hỗ trợ từ TW thông qua Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) (mỗi năm 20 DN * 4 tr/d/DN)		80				80										80									400	Sở Công Thương	Các đơn vị liên quan	
	DN đối ứng (mỗi năm 20 DN * 25 tr/d/DN - máy chủ, phí duy trì...)									500																500			2.500
4,3	Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các sàn giao dịch TMĐT	80	60	900	80	60	900	80	60	900	80	60	900	80	60	900	80	60	900	80	60	900							5.200
	Tình hỗ trợ kinh phí thiết kế ban đầu (mỗi năm 20 DN * 4 tr/d/DN)	80			80							80																	400
	Hỗ trợ từ TW thông qua Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) (mỗi năm 20 DN * 3 tr/d/DN)		60																										300
	DN đối ứng (mỗi năm 20 DN * 45 tr/d/DN - Cấp nhật thông tin, quản trị gian hàng)			900																									4.500
5	Khảo sát, học tập kinh nghiệm và nhiệm vụ khác	120	-	-	20	-	-	-	120	-	-	-	20	-	-	-	120	-	-	-	-	-	-	-	-	-	400		
	Tổ chức các đoàn đi tham quan, khảo sát, học tập kinh nghiệm	100							100								100										300		
	Tổ chức cử cán bộ phụ trách TMĐT và công nghệ thông tin dự hội thảo, tập huấn, hội nghị trong và ngoài nước do các Bộ, ngành tổ chức; mua và pho tô tài liệu TMĐT	20			20				20				20				20										100		
	Cộng	974	240	1.412	684	140	1.412	714	140	1.412	684	140	1.412	714	140	1.412	684	140	1.412	714	140	1.412					11.630		

Ghi chú: Ngân sách Trung ương hỗ trợ thông qua Trung tâm Phát triển thương mại điện tử (EcomViet) - Cục Thương mại điện tử và Công nghệ thông tin, Bộ Công Thương